TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 04-7-2019.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Đình Nhung;

Ông Nguyễn Xuân Lãm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Hoàng Liêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn H, sinh năm 1991; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp H P, xã A H, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh H tự chung sống với nhau vào năm 2007, không có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu khi mới chung sống, chị và anh H sống chung với gia đình anh H, được vài tháng thì vợ chồng về sống chung với cha mẹ chị tại ấp H P, xã A H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H thường xuyên uống rượu, không đi làm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên cải vã

nhau. Chị nhiều lần khuyên can nhưng anh H vẫn không thay đổi. Anh H bỏ về nhà cha mẹ ruột tại ấp H P, xã A H sống và vợ chồng ly thân hơn 01 năm nay. Từ khi ly thân, chị và anh H không ai đặt vấn đề đoàn tụ. Khi biết chị nộp đơn ly hôn, anh H còn nhiều lần chặng đường đánh chị.

Nay chị yêu cầu được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên: Nguyễn Gia K, sinh ngày 18-8-2008, hiện đang theo sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Gia K, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập anh H đến Toà lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên toà nhưng anh H cố tình vắng mặt nên không thể hiện được lời trình bày và yêu cầu của anh H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Phan Văn H.

Về con chung: Giao chị N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 18-8-2008. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Phan Văn H vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn. Năm 2016, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và tự sống ly thân hơn 01 năm nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn, đồng thời chị có nộp cho Toà án đơn có xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã A H về

việc chị chung sống với anh H nhưng không có đăng ký kết hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh H.

[3] Về con chung: Chị N đang nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 18-8-2008 từ khi chị và anh H ly thân. Nay chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Gia K. Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian chị N nuôi dưỡng cháu Gia K, cháu phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần; mặt khác, cháu Gia K cũng có nguyện vọng theo sống với chị N. Vì vậy, có cơ sở giao chị N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Gia K là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Phan Văn H.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 18-8-2008.

Ghi nhận chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016738 ngày 16 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị N đã nộp đủ án phí.

5. Báo cho chị N biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Linh Ngọc